

VỀ BẢN CHẤT CỦA TƯ DUY

NGUYỄN MẠNH CƯƠNG (*)

Khái niệm là cái chỉ có trong tư duy trừu tượng, do vậy, để thấy được vai trò của khái niệm trong nhận thức, chúng ta phải hiểu được bản chất của tư duy. Với suy nghĩ như vậy, trong bài viết này, chúng tôi tập trung nói về bản chất của tư duy từ lập trường triết học mácxít.

Chúng ta đều biết rằng, *tư duy là quá trình phản ánh hiện thực khách quan*; rằng giữa tư duy trừu tượng và nhận thức cảm tính có sự khác nhau về chất. Vậy tư duy là gì? Giữa tư duy, nhận thức lý tính và ý thức có mối quan hệ như thế nào? Tư duy đóng vai trò gì trong việc phản ánh thế giới khách quan?

Xét theo nghĩa rộng nhất, tư duy là sự phản ánh tồn tại. Khi nói về vấn đề cơ bản của triết học, về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, Ph. Ăngghen đã viết: "Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy với tồn tại"(1). Như vậy, có thể hiểu rằng mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại cũng là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất. Chúng tôi nhất trí với ý kiến của tác giả Nguyễn Ngọc Hà rằng, mặc dù giữa tư duy, nhận thức lý tính và ý thức có nghĩa giống nhau, có thể thay thế cho nhau, nhưng chúng không hoàn toàn đồng nhất với nhau; rằng không phải tư duy, nhận thức lý tính và ý thức là một, giữa chúng

có sự đồng nhất, nhưng đó là sự đồng nhất có khác biệt(2).

Ý thức bao gồm các yếu tố như nhu cầu, cảm xúc, tri thức... Trong đó tri thức đóng vai trò cốt lõi của ý thức. Có thể so sánh một cách hình ảnh rằng, tri thức như là "hạt nhân" của ý thức. Tri thức là kết quả của quá trình nhận thức của con người về thế giới hiện thực, làm tái hiện trong tư tưởng những thuộc tính, những quy luật của thế giới ấy và diễn đạt chúng dưới hình thức ngôn ngữ hoặc các hệ thống ký hiệu khác(3). Như vậy, nhận thức nói chung có một ý nghĩa rộng hơn ý thức. Kết quả của quá trình nhận thức là ý thức của chúng ta. Và, theo C.Mác, ý thức chẳng qua chỉ là cái vật chất đã được di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó(4).

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư duy là sản phẩm của một cơ quan vật chất sống có tổ chức cao là bộ óc con người; được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người.

(*) Thạc sĩ, Đại học Văn hoá Hà Nội.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.403.

(2) Xem: Nguyễn Ngọc Hà. *Phi mâu thuẫn có phải bao giờ cũng là quy luật của tư duy đúng đắn*. Tạp chí Triết học, số 3, 1991, tr.48.

(3) Xem: *Từ điển triết học giản yếu* (Hữu Ngọc chủ biên). Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, tr.471.

(4) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.35.

Hiện thực khách quan là đối tượng của tư duy và quyết định hoạt động tư duy của con người. Do vậy, con người tác động đến thế giới hiện thực như thế nào thì sẽ có những hình thức nhận thức như thế đó. Thực tiễn nói chung quyết định tư duy và sự phát triển của thực tiễn cũng quyết định sự phát triển của tư duy. Giữa tư duy và sự phát triển của hoạt động thực tiễn con người có sự gắn bó chặt chẽ và liên hệ biện chứng với nhau. Muốn có tư duy phải có hoạt động thực tiễn. Ngược lại, muốn hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả cao thì phải có tư duy. Khi chỉ ra sự phát triển của tư duy phụ thuộc vào sự phát triển của thực tiễn, Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Từ trước đến nay, khoa học tự nhiên cũng như triết học đã hoàn toàn coi thường ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tư duy của họ. Hai môn ấy một mặt chỉ biết có tự nhiên, mặt khác, chỉ biết có tư tưởng. Nhưng chính việc người ta biến đổi tự nhiên, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên, với tính cách giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên"(5).

Tư duy trừu tượng có được trước hết phải xuất phát từ các tài liệu trực quan sinh động. Tư duy trừu tượng phản ánh hiện thực thông qua các tri thức cảm tính, các kinh nghiệm đã tích lũy được và nói chung, dựa vào những hiểu biết đã có. Do vậy, vai trò phản ánh thế giới khách quan của tư duy trừu tượng khác với tri giác, biểu tượng là do bản chất của nó quy định.

Tư duy là trình độ cao của quá trình nhận thức, là sự phản ánh khái quát, gián tiếp, tích cực và sáng tạo về thế giới. Ở giai đoạn nhận thức bằng tư duy, sự vật được phản ánh một cách gián tiếp và khái quát

trong các khái niệm, phán đoán và suy lý. Khái quát hoá và trừu tượng hoá là đặc điểm của tư duy, không có khái quát thì không có quá trình hình thành khái niệm, không thể xây dựng được các lý thuyết khoa học và nói chung, không có hoạt động nhận thức sáng tạo. Khái quát hoá không tách rời trừu tượng hoá. Hoạt động khái quát hoá của tư duy chỉ có thể xảy ra và thực hiện trên cơ sở một số thuộc tính quan trọng (xét ở một phương diện nào đó) đã được tư duy trừu tượng tách ra khỏi những thuộc tính khác. Từ những thuộc tính đã được trừu tượng hoá này, tư duy đi tới bao quát cái chung, cái bản chất, cái có tính quy luật. Về điểm này, V.I.Lênin đã nhận xét, ngay cả "*sự khái quát* đơn giản nhất, sự hình thành đầu tiên và đơn giản nhất của những *khái niệm*" (những phán đoán suy lý) cũng đã có nghĩa là con người nhận thức ngày càng sâu sắc về các mối liên hệ khách quan, về các tính quy luật của thế giới"(6). Nhờ có trừu tượng hoá và khái quát hoá, tư duy đã có thể đưa lại cho ta những tri thức (gián tiếp) về các mối liên hệ và quan hệ bản chất, về các quy luật trong sự phát triển của sự vật và hiện tượng, trong các quá trình đã diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong khoảng không gian bao la của vũ trụ, trong thế giới vi mô mà con người không thể hoặc không có điều kiện tri giác trực tiếp. Tính chất khái quát và gián tiếp của tư duy biểu hiện ở chỗ, nó đi từ "một hình thức liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau này đến một hình thức khác, sâu sắc hơn, chung hơn"(7).

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.720.

(6) Xem: V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.29. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr.188.

(7) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.29, tr.240.

Tư duy, xét về bản tính, là một quá trình sáng tạo. Nói đến tính sáng tạo của tư duy là nói đến sự hình thành tri thức mới về các mối liên hệ và quan hệ, về tính quy luật khách quan chi phối sự phát triển của các sự kiện và quá trình lịch sử, về bản chất của các khách thể vi mô, cũng như về diễn biến của hiện thực. Trên con đường nhận thức chân lý, chủ thể tư duy không chỉ biết đặt ra các vấn đề mới, mà còn giải quyết chúng bằng những phương pháp thích hợp. Đồng thời, đó cũng là quá trình chủ thể tư duy huy động một cách sáng tạo vốn tri thức phong phú đã có, bao gồm cả kinh nghiệm sống, kinh nghiệm nghề nghiệp; huy động không chỉ tri thức lý luận chung, mà cả sự am hiểu cần thiết, cụ thể về những lĩnh vực "có vấn đề". *Thiếu vốn tri thức phong phú của cuộc sống sẽ không có tư duy sáng tạo.* Ngoài ra, trong sự sáng tạo của tư duy ở trình độ lý luận khoa học cao còn có sự tham gia tích cực của tưởng tượng và trực giác. Các tư tưởng, quan niệm, lý thuyết khoa học... do tư duy sáng tạo ra cũng như bản thân tư duy có sự biến đổi, phát triển là do thực tiễn lịch sử - xã hội quyết định. Điều này không loại bỏ tính độc lập tương đối của tư duy. Tư duy có lôgic phát triển nội tại riêng, chịu sự chi phối của các quy luật (quy tắc, nguyên tắc) riêng. Trong *Từ điển triết học* (M.M.Rôdentan chủ biên) có viết: "Tư duy - sản phẩm cao nhất của cái vật chất được tổ chức một cách đặc biệt là bộ não, quá trình phản ánh tích cực thế giới khách quan trong các khái niệm, phán đoán, lý luận, v.v.. Tư duy xuất hiện trong quá trình hoạt động sản xuất xã hội của con người và đảm bảo phản ánh thực tại một cách gián tiếp, phát hiện những mối liên hệ hợp quy luật thực tại"(8).

Tư duy có vai trò rất quan trọng trong việc nhận thức thế giới. Khi tư duy của chúng ta xem xét, nhận thức về giới tự nhiên, về lịch sử xã hội loài người hay về hoạt động tinh thần của chúng ta, chính tư duy đã đem lại cho chúng ta một sự hiểu biết về những mối liên hệ phong phú, đa dạng, phức tạp, về những sự vận động và biến đổi, về sự phát sinh và tiêu vong của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Tư duy trừu tượng hướng vào việc tìm ra chân lý, nắm bắt những mối liên hệ khách quan, có tính bản chất, phát hiện ra tính quy luật chi phối sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Nói về tầm quan trọng của tư duy trừu tượng trong việc phát hiện chân lý, V.I.Lênin đã chỉ rõ: "Theo bản chất của nó, tư duy của con người có thể cung cấp và đang cung cấp cho chúng ta chân lý tuyệt đối mà chân lý này chỉ là tổng số những chân lý tương đối. Mỗi giai đoạn phát triển của khoa học lại đem thêm những hạt mới vào cái tổng số ấy của chân lý tuyệt đối, nhưng những giới hạn chân lý của mọi định lý khoa học đều là tương đối, khi thì mở rộng ra, khi thì thu hẹp lại, tùy theo sự tăng tiến của tri thức"(9).

Nhờ có tư duy trừu tượng mà nhận thức của con người đi từ sự hiểu biết có tính chất hiện tượng đến sự hiểu biết về bản chất, từ ngẫu nhiên bề ngoài đến quan hệ có tính tất nhiên, tính quy luật. Tư duy cho chúng ta nhận thức các sự vật, hiện tượng trong một chỉnh thể, trong thể thống nhất, chứ không phải là sự hiểu biết riêng lẻ, tách rời của các yếu tố, các bộ phận của sự vật, hiện tượng. Tư duy trừu

(8) *Từ điển triết học* (M.M.Rôdentan chủ biên). Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1986, tr.634.

(9) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.18, tr.158.

tượng là quá trình phản ánh thế giới một cách gián tiếp, khái quát nhờ ngôn ngữ. Ở đây, các từ, cụm từ hay ngôn ngữ nói chung, trong khi là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, diễn đạt các khái niệm, phán đoán, suy lý, quy luật, lý thuyết, đã có tính chất khái quát và bao hàm cái chung. Do vậy, ngôn ngữ càng phát triển, vốn từ vựng càng phong phú thì tư duy gắn liền với nó càng linh hoạt, mềm dẻo, phản ánh càng sâu sắc, chính xác và đầy đủ các mối liên hệ đa dạng, phức tạp của thế giới.

Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen viết: "Tư duy lý luận của mỗi thời đại, cũng có nghĩa là của thời đại chúng ta, là một sản phẩm lịch sử mang những hình thức rất khác nhau trong những thời đại khác nhau và do đó có một nội dung rất khác nhau"(10). Theo đó, mỗi thời đại lịch sử sản sinh ra một phong cách tư duy mang những đặc điểm riêng của mình. Trong triết học trước Mác đã có hai loại hình tư duy đối lập nhau về cách xem xét thế giới - đó là tư duy siêu hình và tư duy biện chứng. Hai loại tư duy trên ra đời từ thời cổ đại, song xét về bản chất, ở thời kỳ cổ đại, tư duy biện chứng chiếm ưu thế hơn, mặc dù nó còn mang tính chất phác, ngây thơ, tự phát, còn ở thời kỳ cổ điển, tư duy siêu hình lại chiếm ưu thế và sau đó trở thành phương pháp tư duy đặc trưng cho thời cận đại.

Hêgen là người có công lớn trong việc phê phán tư duy siêu hình và trở thành người đầu tiên trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử và tư duy dưới dạng một quá trình, nghĩa là trong sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng của nó. Tuy nhiên, phương pháp tư duy biện chứng ấy đã được Hêgen xây dựng trên cơ sở của chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Phương pháp tư duy biện chứng phát triển đến đỉnh cao là phương pháp tư duy biện chứng mácxít.

Một số tác giả như Vũ Văn Viên, Tô Duy Hợp... đã sử dụng khái niệm "phong cách tư duy" để phân biệt những loại hình tư duy khoa học tự nhiên khác nhau, đặc trưng cho mỗi thời đại lịch sử. Theo tác giả Vũ Văn Viên, phong cách tư duy khoa học tự nhiên đã trải qua ba giai đoạn cơ bản: Phong cách cổ điển, phong cách cận đại và phong cách hiện đại(11). Sự phát triển của tư duy khoa học tự nhiên nói chung, sự hình thành các phong cách tư duy khoa học tự nhiên nói riêng diễn ra theo hướng ngày càng cụ thể thêm và ngày càng tiến gần tới một phong cách tư duy bao quát đối với nhận thức khoa học - phong cách tư duy biện chứng.

Khái quát lịch sử phát triển của nhận thức nói chung, của tư duy nói riêng, chúng tôi cho rằng, tư duy biện chứng mácxít là hình thức tư duy phát triển cao nhất và dưới đây, có chỗ chúng tôi dùng thuật ngữ "tư duy hiện đại" theo nghĩa là tư duy biện chứng mácxít. Trong quá trình phản ánh hiện thực khách quan, để phản ánh được các quy luật vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng, tư duy hiện đại không thể không phản ánh trạng thái xác định, ổn định của sự vật và hiện tượng. Vì vậy, để hiểu được bản chất của tư duy với tư cách một chỉnh thể thống nhất và đặc biệt, để vận dụng các công cụ của tư duy một cách có hiệu quả, chúng ta không thể không phân tích bộ phận cơ bản của nó là tư duy chính xác. Tư duy chính xác, theo chúng tôi, là một bộ phận của tư duy biện

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.487.

(11) Xem: Vũ Văn Viên. *Vấn đề thực chất của tư duy khoa học*. Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 3, 1992, tr.36.

chúng mácxít, phản ánh trạng thái xác định của sự vật, hiện tượng trong "tính đồng nhất trừu tượng" của chúng.

Việc nghiên cứu tư duy chính xác là nhiệm vụ của lôgic học hình thức và việc nghiên cứu tư duy biện chứng mácxít là nhiệm vụ của lôgic học biện chứng mácxít. Theo quan điểm của các nhà mácxít, quan hệ giữa lôgic học biện chứng và lôgic học hình thức giống như quan hệ giữa toán học cao cấp và toán học sơ cấp. Như vậy, tư duy chính xác chỉ là một bộ phận của tư duy biện chứng, bao hàm trong tư duy biện chứng. Một số tác giả khác đã chia tư duy thành tư duy biện chứng và tư duy hình thức. Theo chúng tôi, thuật ngữ tư duy hình thức ở đây được hiểu giống như thuật ngữ tư duy chính xác mà chúng tôi sử dụng. Tư duy chính xác là một bộ phận của tư duy biện chứng, nhưng đó là bộ phận cơ bản không thể thiếu được của tư duy biện chứng. Việc phân chia tư duy thành tư duy chính xác và tư duy biện chứng có cơ sở lý luận của nó.

Xem xét vấn đề này trên bình diện thế giới khách quan, chúng ta thấy điều đó là hoàn toàn đúng. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì mọi sự vật, hiện tượng trong quá trình tồn tại, phát triển của mình đều nằm trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng, nhưng không loại trừ trạng thái đứng im tương đối. Do vậy, có thể nói rằng, sự vật, hiện tượng luôn nằm trong sự thống nhất của hai trạng thái: trạng thái tĩnh và trạng thái động. Trạng thái tĩnh của sự vật chính là sự đứng im tương đối, là trạng thái của sự vật, hiện tượng được xem xét ở phẩm chất xác định trong một thời điểm, một không gian xác định. Trạng thái động là tuyệt đối, là trạng thái của sự vật, hiện tượng được xem xét trong mối quan hệ phụ thuộc, chuyển hoá lẫn nhau với các sự vật,

hiện tượng khác, trong sự vận động và phát triển của sự vật. Trạng thái tĩnh và trạng thái động là hai trạng thái không thể tách rời trong sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng.

Trạng thái tĩnh, xác định của sự vật được phản ánh bởi tư duy chính xác. Trạng thái động của sự vật được phản ánh bởi tư duy biện chứng. Như vậy, nếu lôgic biện chứng là khoa học về tư duy biện chứng - tư duy phản ánh trạng thái động của sự vật, hiện tượng thì lôgic học hình thức là khoa học về tư duy chính xác - tư duy phản ánh trạng thái tĩnh của sự vật, hiện tượng. Quan niệm như vậy hoàn toàn phù hợp với bản chất của lôgic học hình thức, lôgic lấy sự "đồng nhất trừu tượng" làm cơ sở cho quá trình nhận thức sự vật, hiện tượng. Chính vì vậy, trong tư duy khoa học luôn cần có tư duy chính xác cũng như phải có tư duy biện chứng.

Tư duy chính xác phản ánh sự vật trong trạng thái tĩnh, ổn định, nhưng mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan luôn nằm trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển, cho nên không thể có sự đồng nhất tuyệt đối. Mặc dù tư duy chính xác phản ánh sự vật trong tính "đồng nhất trừu tượng" - trong một phạm vi nhất định và trong một thời gian ngắn, nhưng đó là sự phản ánh cần thiết để có thể hiểu được sự vật trong quá trình vận động, phát triển của nó. Ngoài phạm vi xác định, "tính đồng nhất trừu tượng" không đáp ứng được nhu cầu nhận thức của con người. Ph.Ăngghen viết: "*Tính đồng nhất trừu tượng* ($a=a$; và cả dưới hình thức phủ định: a không thể đồng thời vừa là a vừa không phải là a), cũng không thể dùng được trong giới hữu cơ. Cái cây, con vật, mỗi tế bào, trong mỗi lúc của đời nó, là đồng nhất với nó nhưng lại khác biệt với

bản thân nó, do sự đồng hoá và bài tiết các chất, do sự hô hấp, sự tạo thành và sự huỷ diệt các tế bào, do quá trình diễn biến của sự tuần hoàn"(12). Sự "đồng nhất" thực sự ngay cả trong giới vô cơ cũng không thể có được. Mỗi sự vật, hiện tượng là một cái riêng, thể hiện sự phong phú, đa dạng của giới tự nhiên. Tính "đồng nhất trừu tượng" và sự đối lập, sự khác biệt của nó chỉ còn có trong toán học - một khoa học trừu tượng.

Xét trên bình diện nhận thức luận thì việc quan niệm như trên cũng hoàn toàn phù hợp với thực chất biện chứng của quá trình nhận thức. Nhận thức của con người đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất cấp một đến bản chất cấp hai, v.v., đến vô hạn. Ở đây, chúng ta có thể quan niệm các cấp độ bản chất khác nhau về sự vật và hiện tượng mà nhận thức của chúng ta đạt được là những trạng thái tĩnh về sự phát triển của nhận thức. Lôgic học hình thức có nhiệm vụ nghiên cứu, nắm bắt những dấu hiệu, thuộc tính bản chất của mỗi cấp độ ấy trong sự "đồng nhất trừu tượng" của chúng, còn lôgic học biện chứng phải nghiên cứu quá trình chuyển hoá của các dấu hiệu thuộc tính ấy, quá trình chuyển hoá từ cấp độ thấp đến cấp độ cao hơn. Xét dưới góc độ tự ý thức về tư duy, tư duy với tư cách một hiện tượng đặc thù cũng có quá trình vận động, phát triển của mình. Trong quá trình ấy, bản thân tư duy cũng là sự thống nhất của hai trạng thái động và tĩnh. Vì vậy, việc nghiên cứu tư duy cũng phải được xem xét từ cả hai trạng thái đó.

Tư duy phản ánh các sự vật, hiện tượng ở phẩm chất xác định và được định hình dưới dạng các hình thức của tư duy, như khái niệm, phán đoán, suy lý - đó là tư duy chính xác. Trạng thái tĩnh của tư duy chỉ là tạm thời tương đối. Nó nằm trong quá

trình vận động, phát triển của tư duy. Thể hiện trạng thái động của tư duy đó là tư duy biện chứng - tư duy phản ánh sự chuyển hoá của sự vật, hiện tượng từ phẩm chất này sang phẩm chất khác. Để thấy được vị trí, vai trò của tư duy chính xác cũng như tư duy biện chứng và mối quan hệ giữa chúng, chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh nhằm xác định rõ mối quan hệ giữa hai loại hình tư duy này.

Trước hết, chúng ta thấy rằng, tư duy chính xác phản ánh sự vật, hiện tượng một cách *trừu tượng, tách rời các sự vật, hiện tượng khác*. Còn tư duy biện chứng phản ánh các sự vật, hiện tượng không những trong trạng thái biệt lập, mà còn trong mối quan hệ phổ biến, đa dạng với các sự vật, hiện tượng khác. Mỗi sự vật, hiện tượng muốn tồn tại đều phải có mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Thuộc tính, đặc tính của sự vật là sự thể hiện của sự vật đó trong mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Phép biện chứng duy vật khẳng định mọi sự vật, hiện tượng nằm trong quá trình vận động, biến đổi không ngừng. Trạng thái động là tuyệt đối, là vĩnh viễn. Nhưng để có thể hiểu được, hay nói cách khác, để có thể nhận thức được sự vật đó, chúng ta không có cách nào khác là trước hết phải tách một cách trừu tượng sự vật đó ra khỏi những mối liên hệ phức tạp, muôn hình, muôn vẻ với các sự vật, hiện tượng khác để nhận thức.

Tư duy biện chứng phản ánh các sự vật, hiện tượng với tư cách là những biểu hiện cụ thể của thế giới vật chất. Giữa chúng luôn luôn có mối liên hệ chằng chịt với nhau. Khái niệm "liên hệ" phản ánh sự phụ thuộc, ràng buộc, quy định lẫn nhau, làm điều kiện, tiền đề tồn tại cho nhau của

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.698.

mọi sự vật, hiện tượng. Khái niệm "liên hệ" còn phản ánh sự tác động qua lại của chúng. Đó là kiểu liên hệ đặc biệt mà trong đó, các sự vật, hiện tượng là đối tượng biến đổi của nhau một cách trực tiếp hay gián tiếp, nhờ đó sự vận động, biến hoá của thế giới được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Tư duy biện chứng phản ánh các sự vật, hiện tượng, các yếu tố, các bộ phận cấu thành của các sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ hữu cơ với nhau. Các giai đoạn trong một quá trình và cả các quá trình trước, quá trình sau của sự vận động, phát triển của thế giới nói chung, của từng sự vật, hiện tượng nói riêng cũng luôn liên hệ với nhau. Chúng ta không thể tìm thấy bất cứ ở đâu, ở bất cứ thời gian nào, bất cứ lĩnh vực nào có những sự vật, hiện tượng tồn tại một cách hoàn toàn cô lập. Sự liên hệ đó là tính khách quan, là tính phổ biến của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Ngày nay, dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, chúng ta càng thấy rõ hơn yếu tố quyết định hình thức tồn tại của sự vật, hiện tượng ở một dạng cụ thể nào đó là ở cách thức liên hệ với nhau của các yếu tố, các bộ phận cấu thành sự vật, hiện tượng ấy. Còn yếu tố quyết định sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng là sự tác động qua lại giữa các yếu tố, các bộ phận cấu thành của nó, mà chủ yếu là sự liên hệ, tác động qua lại giữa các mặt đối lập. Mặt khác, bản thân sự tồn tại của các sự vật, hiện tượng cùng với sự liên hệ, tác động qua lại giữa chúng là cơ sở hiện thực để các sự vật, hiện tượng quy định lẫn nhau, phân biệt với nhau. Hơn nữa, những thuộc tính vốn của sự vật, hiện tượng chỉ bộc lộ ra khi các sự vật, hiện tượng liên hệ, tác động qua lại với nhau. Tùy theo diện (rộng hay hẹp) và mức độ (nông hay sâu)

của sự liên hệ, tác động mà bản chất của sự vật, hiện tượng được bộc lộ ra như thế nào. Chỉ có trên cơ sở như vậy, tư duy của chúng ta mới có thể ngày càng nắm bắt được bản chất sâu sắc của sự vật, hiện tượng cùng với tính đa dạng, muôn hình, muôn vẻ, sinh động và vô tận của thế giới hiện thực. Tư duy biện chứng phản ánh các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, trong mối liên hệ phong phú và đa dạng. Mỗi mối liên hệ lại có vai trò, vị trí khác nhau trong sự tồn tại, vận động và phát triển của chúng. Có mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bên ngoài, mối liên hệ chung, mối liên hệ riêng, mối liên hệ trực tiếp, mối liên hệ gián tiếp, ... Sự liên hệ, tác động qua lại của các sự vật, hiện tượng chẳng những là vô cùng phong phú, đa dạng, mà còn rất phức tạp. Đặc biệt, trong lĩnh vực xã hội, tính chất phức tạp của sự liên hệ, tác động qua lại tăng lên do sự đan xen, chông chéo lẫn nhau của vô vàn những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người. Chính vì vậy mà việc nhận thức bản chất của các hiện tượng xã hội là rất phức tạp. Tùy theo tính chất và vai trò của từng mối liên hệ mà có thể khái quát bằng những khái niệm khác nhau. Sự khái quát này chỉ có nghĩa tương đối, vì tính chất đa dạng và phức tạp của các mối liên hệ. Do đó, không thể xem xét mối liên hệ tách rời khỏi hệ thống của nó, hoặc là không thể tuyệt đối hoá bất kỳ mối liên hệ nào.

Như vậy, sự khác nhau giữa tư duy chính xác và tư duy biện chứng là ở chỗ, *thứ nhất*, tư duy chính xác xem xét sự vật hiện tượng "trong tính đồng nhất trừu tượng" và do vậy, không thấy sự liên hệ, tác động của sự vật này với những sự vật, hiện tượng khác. Còn tư duy biện chứng nhìn nhận sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng khác.

Thứ hai, tư duy chính xác phản ánh các sự vật, hiện tượng trong trạng thái tĩnh, xác định, trong trạng thái đứng im tương đối; nó phản ánh các sự vật, hiện tượng trong sự tồn tại hiện có mà chưa thấy quá trình sinh thành, phát triển và tiêu vong của nó. Còn tư duy biện chứng phản ánh các sự vật, hiện tượng trong sự vận động, phát triển không ngừng của chúng; nó xem xét một cách toàn diện, bao quát sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng để tìm ra bản chất và những quy luật phổ biến của quá trình này; nó phản ánh sự vật, hiện tượng trong quá trình lịch sử, từ sự ra đời, phát triển và tiêu vong của chúng.

Tư duy chính xác phản ánh các sự vật trong trạng thái *xác định*, trong *trạng thái đứng im tương đối*. Nó phản ánh sự vật trong sự tồn tại của nó mà gạt bỏ một cách "trừu tượng" khỏi quá trình vận động, phát triển của sự vật đó. Việc tư duy chính xác phản ánh sự vật trong trạng thái xác định, trong sự tồn tại hiện có của nó không thể không phiến diện, không thể không làm "chết đứng" sự vật, tách rời sự vật khỏi quá trình vận động của nó. Nhưng sự phản ánh đó là rất cần thiết trong nhận thức của chúng ta về thế giới khách quan. "Chúng ta không thể biểu hiện, thể hiện, đo lường, hình dung sự vận động mà không cắt đứt tính liên tục, không đơn giản hoá, không làm thô lỗ, không tách rời, không làm chết cứng cái đang sống. Việc tư duy (không những tư duy mà cả cảm giác) hình dung sự vận động (không những sự vận động mà *tất cả* các khái niệm) bao giờ cũng làm thô lỗ, làm chết cứng"(13).

Tư duy biện chứng không những phản ánh các sự vật, hiện tượng trong các mối liên hệ, mà còn phản ánh nó trong sự vận động, phát triển không ngừng. Tư duy biện chứng xem xét một cách toàn diện,

bao quát sự vận động, phát triển của thế giới, tìm ra bản chất và những quy luật phổ biến của quá trình đó. Nó phản ánh các sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, phát triển vô tận. Nó xem xét các sự vật, hiện tượng qua các giai đoạn sinh thành, phát triển và tiêu vong. Chính sự mất đi của các sự vật, hiện tượng này là điều kiện cho sự ra đời của các sự vật, hiện tượng khác. Bởi lẽ, sự ra đời của các sự vật, hiện tượng không phải từ hư vô, mà từ các sự vật, hiện tượng cũ, được chuẩn bị từ bên trong của các sự vật, hiện tượng cũ. Tư duy biện chứng xem xét sự phát triển một cách đối lập với tư duy siêu hình. Tư duy siêu hình xem xét các sự vật, hiện tượng như là những cái được sinh ra một lần là mãi mãi như thế, không có sự thay đổi từ sự vật này sang sự vật khác. Tuy nhiên, cũng có những nhà triết học siêu hình thừa nhận có sự phát triển, nhưng sự phát triển đối với họ chỉ là sự tăng lên về mặt số lượng, từ ít đến nhiều, hoặc là sự biến đổi tuần hoàn lặp lại theo vòng tròn khép kín chứ không phải là sự chuyển hoá từ sự vật này sang sự vật khác, không có sự xuất hiện cái mới.

Tư duy biện chứng xem xét sự vật, hiện tượng trong trạng thái luôn biến đổi, chuyển hoá từ sự vật, hiện tượng này thành sự vật, hiện tượng khác. Cái mới kế tiếp cái cũ, giai đoạn trước làm điều kiện, tiền đề cho giai đoạn sau, tạo thành quá trình phát triển tiến lên mãi. Nguyên nhân của sự phát triển là ở sự liên hệ, tác động qua lại của các mặt đối lập vốn có ở trong bản thân sự vật, hiện tượng đó. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng diễn ra theo cách thức: tích lũy về lượng để đến một thời điểm có nhảy vọt về chất. Con

(13) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.29, tr.275.

đường, xu hướng của sự phát triển không phải theo đường thẳng tắp, cũng không theo đường tròn khép kín, mà được diễn tả như là đường "xoáy ốc" tạo thành xu hướng phát triển tiến lên từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

Tư duy chính xác và tư duy biện chứng có mối quan hệ gắn bó, liên hệ hữu cơ với nhau. Chúng có vai trò, vị trí xác định trong quá trình nhận thức của con người nhằm phản ánh đúng đắn, đầy đủ, toàn diện thế giới khách quan. Tư duy chính xác là điều kiện để có tư duy biện chứng. Ngược lại, nếu không có tư duy biện chứng, nhận thức của con người không thể phản ánh đầy đủ, toàn diện về thế giới khách quan. Tư duy chính xác là một bộ phận không thể thiếu được trong mọi quá trình tư duy khoa học. Bởi lẽ, nó giúp chúng ta nhận thức đúng đắn các trạng thái tĩnh của mọi cấp độ, bản chất của các sự vật, hiện tượng và, "để nắm bắt được quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng, trước tiên nhận thức phải hiểu những sự vật đó như những sự vật đồng nhất, không phát triển"(14).

Nếu nhìn một cách tổng thể thì tư duy chính xác chỉ là một bộ phận của tư duy biện chứng, song đó là một bộ phận cơ bản và có tính độc lập tương đối của nó. Việc phân chia như vậy, theo chúng tôi, có thể tạo điều kiện để nghiên cứu bản chất của tư duy một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. Để thấy rõ vị trí, vai trò của tư duy chính xác, thiết nghĩ, cũng cần có sự phân biệt nó với tư duy siêu hình.

Tư duy chính xác có vị trí, vai trò rất quan trọng trong tư duy biện chứng, nhưng chúng ta không được phép lẫn lộn tư duy chính xác với tư duy siêu hình. Về điều này, chúng tôi nhất trí với ý kiến của

tác giả Vũ Văn Viên rằng, "không thể đồng nhất tư duy siêu hình với tư duy chính xác, càng không thể đồng nhất phương pháp siêu hình với logic học hình thức"(15). Bởi lẽ, xét theo một nghĩa nào đó, phương pháp tư duy siêu hình là sự tuyệt đối hoá các quy luật của khoa học tự nhiên cổ điển, trong đó có các quy luật của logic học hình thức cổ điển, xem nó là những quy luật duy nhất và biến nó thành những quy luật phổ biến của mọi sự vật, quá trình của thế giới khách quan. Phương pháp tư duy siêu hình trở thành phương pháp đặc trưng trong thế kỷ XVII - XVIII, khi mà phương pháp phân tích trong khoa học tự nhiên được đưa vào và trở thành phương pháp triết học. Và, như Ph.Ăngghen đã viết: "Khi phương pháp nhận thức ấy được Bêcơn và Lốccơ đưa từ khoa học tự nhiên vào triết học thì nó tạo ra tính hạn chế đặc thù của những thế kỷ gần đây, - tức là phương pháp tư duy siêu hình". Phương pháp tư duy siêu hình này "chỉ nhìn thấy những sự vật vật riêng biệt mà không nhìn thấy mối liên hệ qua lại giữa những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy sự tồn tại của sự vật ấy mà không nhìn thấy sự phát sinh và sự tiêu vong của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy trạng thái tĩnh của sự vật ấy mà quên mất sự vận động của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy cây mà không thấy rừng"(16).□

(14) M.M.Rôdentan. *Nguyên lý logic biện chứng*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.62.

(15) Vũ Văn Viên. *Logic học hình thức và tư duy chính xác*. Tạp chí Triết học, số 4, 1991, tr.56.

(16) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr. 36, 37.